

VẤN ĐỀ BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC TỈNH NINH THUẬN TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐIỆN HẠT NHÂN⁽¹⁾

*Phan Quốc Anh**

TÓM TẮT

Sau khi Quốc hội và Chính phủ quyết định triển khai dự án xây dựng nhà máy điện hạt nhân đầu tiên ở Ninh Thuận, đã xuất hiện nhiều chiều dư luận khác nhau về dự án này. Khi triển khai các dự án, công trình công nông nghiệp lớn, nhất là dự án xây dựng hai nhà máy điện hạt nhân, các nhà quản lý văn hóa đều được nêu ra vấn đề là liệu các dự án lớn này có ảnh hưởng gì đến việc bảo tồn, phát huy văn hóa các dân tộc không? Làm thế nào vừa triển khai thành công dự án, vừa đảm bảo việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc hiện đang cư trú ở Ninh Thuận? Bài viết sẽ khái quát các đặc điểm văn hóa các dân tộc ở Ninh Thuận và những vấn đề liên quan đến bảo tồn văn hóa dân tộc khi Ninh Thuận xây dựng nhà máy điện hạt nhân.

Từ khóa: văn hóa dân tộc, bảo tồn, các dân tộc tỉnh Ninh Thuận, điện hạt nhân

Nhận bài: 6/3/2016, *Phản biện, đánh giá và sửa chữa* 20/3/2016; *Duyệt đăng:* 2/4/2016

Mở đầu

Ninh Thuận có 6 huyện, thành phố, 65 xã, phường, thị trấn. Trong đó có 37 xã khu vực miền núi, 124 thôn đồng bào dân tộc thiểu số cư trú. Ninh Thuận hiện có 27 dân tộc thiểu số cư trú với 33.538 hộ/150.768 khẩu, chiếm 22,77% dân số toàn tỉnh. Trong các dân tộc thiểu số ở

Ninh Thuận, có 2 dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ dân số cao là dân tộc Chăm (chiếm 12%) và dân tộc Raglai (chiếm 9%) dân số. Còn lại là các dân tộc thiểu số khác nhưng số lượng không nhiều. Tuy là một tỉnh nhỏ, còn nhiều khó khăn về kinh tế nhưng Ninh Thuận lại là vùng văn hóa đặc thù. Đó là văn hóa các dân tộc Kinh, Chăm, Raglai.

1. Khái quát văn hóa các dân tộc ở Ninh Thuận

1.1. Vài nét về văn hóa người Kinh ở Ninh Thuận

Theo thống kê dân số và nhà ở năm 2009, người Kinh ở Ninh Thuận có

¹ Bài viết thuộc Đề tài Nhà nước "Luận cứ và giải pháp huy động nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận trong bối cảnh thực hiện dự án điện hạt nhân giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn 2030"; Mã số: 04.15 - ĐTĐL XH-XHTN

* Tiến sĩ, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật tỉnh Ninh Thuận

432.399 người, cư trú ở địa bàn thành phố, các huyện, tập trung đông nhất ở vùng đồng bằng và ven biển. Sau này, người Kinh dần định cư thêm ở các vùng miền núi, đông nhất là ở huyện Ninh Phước, Ninh Sơn.

Theo các sử liệu, người Kinh ở Ninh Thuận đến định cư từ nhiều vùng, nhiều địa phương khác nhau trong quá trình tiến khai hoang ruộng đất theo đường bộ của nông dân và theo đường biển của ngư dân. Người Kinh ở Ninh Thuận đến nhiều nhất là từ các tỉnh Nam Ngãi Bình Phú (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên).

Theo Đại Nam nhất thống chí: "...Đời vua Hiếu Minh Hoàng đế (Nguyễn Phúc Chu) năm Đinh Sửu mới khai thác và đặt ra phủ Bình Thuận, huyện An Phước và đạo Phan Rang. Ban đầu chưa đặt các viên phủ huyện, chỉ đặt ở đạo một quan văn và một quan võ quản trị, lệ thuộc về dinh... Năm Thành Thái thứ 13 (1901) đổi làm đạo Ninh Thuận (nguyên là phủ), đặt chức quản đạo và chức điển học, bang biện, kinh lịch, hậu bổ...đều một người".

Vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, lớp cư dân người Kinh mới vào vùng Phan Rang để sinh cơ lập nghiệp. Theo các tư liệu sử, những cư dân người Kinh đầu tiên vào đến vùng đất Panduranga này vào thời kỳ sau khi chúa Nguyễn Phúc Tần (1648 - 1678) mở đất đến sông Phan Rang. Vùng An Phước (Ninh Phước ngày nay) là vùng có cư dân người Kinh đến sớm nhất. Theo các tư liệu sử thì lớp người Kinh vào Ninh Thuận - Bình Thuận trước nhất là những người nông dân nghèo khổ chạy nạn từ vùng bắc Trung Bộ là Thanh Hóa, Nghệ

An, Hà Tĩnh và Quảng Bình phiêu bạt vào, lớp người Kinh vào sau (cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII) đa phần là cư dân Nam, Ngãi, Bình, Phú, do hai thế lực phong kiến Trịnh - Nguyễn phân tranh đã chạy loạn theo đường bộ tỉnh tiến vào khai khẩn đất hoang, tìm chốn an cư, lập nên những làng, xã đầu tiên ở Ninh Thuận. Người Kinh lập làng đến đâu là xây dựng đình làng đến đó. Những tư liệu bằng, sắc phong của triều Nguyễn còn lưu lại được trong các đình ở Ninh Thuận là minh chứng cho sự có mặt của người Kinh ở vùng đất này. Đình làng Văn Sơn là một trong ngôi đình được xây dựng sớm nhất ở Ninh Thuận (xây dựng thời Gia Long). Một bộ phận người Kinh khác là những ngư dân ven biển các tỉnh Trung Bộ (chủ yếu là từ Phú Yên - Bình Định) theo đường biển đổ bộ vào lập nên các làng ven ven biển. Ngư dân ở các làng ven biển đã xây dựng nên nhiều làng ven đề thờ phụng cá Ông - Nam Hải, vị thần của những người đi biển. Sang thế kỷ XVIII, với chính sách chiêu dân để khai khẩn đất hoang, mở rộng bờ cõi của nhà Nguyễn, hàng loạt đợt di dân rầm rộ với quy mô lớn đã đưa người Kinh vào Nam Trung Bộ nói chung và vào Ninh Thuận nói riêng để lập nên làng xã, trong đó có cả cư dân ngư nghiệp. Đặc biệt, vào nửa cuối thế kỷ XIX, cộng đồng người Kinh ngày càng phát triển về số lượng. Cư dân Kinh xây dựng được hệ thống làng xã và một vùng văn hóa có được như ngày hôm nay là cả một quá trình vất vả, cực nhọc vật lộn với thiên nhiên của biết bao thế hệ.

Người Kinh trong quá trình khai hoang mở đất, hành trang mang theo không thể thiếu là phong tục tập quán, tín ngưỡng nơi quê cha đất tổ. Những người Kinh đầu tiên

chủ yếu đến vùng hạ lưu sông Phan Rang làm nghề nông và đến vùng ven biển làm nghề đánh cá. Các phong tục tập quán lễ tết hội hè, nghi lễ vòng đời người như sinh đẻ, hôn nhân, tang ma vẫn được duy trì và gìn giữ. Tục bán con cho Phật, cho Thánh, tục đổi tên (phần âm) cho con, cúng mẹ, dâng tháng, thoi nôi trong nghi lễ liên quan đến sinh đẻ; Tục xem ngày cưới vợ, gả chồng; lễ xem mắt, lễ dặm hỏi, lễ hỏi, lễ sí lời, lễ nạp tài và lễ cưới cơ bản vẫn duy trì được phong tục tập quán của người Kinh. Những nét mới phát sinh trong các nghi lễ vòng đời chủ yếu ở phần hội (nhiều nhất là đám cưới).

Ninh Thuận tuy là tỉnh nhỏ nhưng hội tụ khá đầy đủ các tôn giáo trên thế giới. Trừ người Chăm theo Hồi giáo và Bà la môn giáo, người Kinh ở Ninh Thuận có các tôn giáo như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài. Vì lẽ đó nên người Kinh ở Ninh Thuận vẫn duy trì được tín ngưỡng truyền thống. Bên cạnh cộng đồng dân cư theo các tôn giáo, người Kinh ở Ninh Thuận duy trì các loại hình tín ngưỡng khác như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ cá Ông, và tín ngưỡng thờ các vị thần trong nhà như Táo Quân, ông Địa, ông Thần Tài, thờ cúng cô hồn, cúng đất. Ngoài ra, trong dịp Tết Nguyên đán, sau ngày mùng hai, người ta bắt đầu làm lễ tết nhà, gia đình nào nuôi trâu thì làm lễ tết trâu, làm rẫy thì tết rẫy, đi biển thì tết ghe, duy trì các lễ cúng tổ nghề. Nhìn chung, đời sống tâm linh của người Kinh Ninh Thuận phong phú, gồm nhiều loại hình, bao gồm cả tôn giáo thế giới lẫn tôn giáo bản địa và các loại hình tín ngưỡng dân gian sơ khai.

Một trong những lễ hội tiêu biểu của người Kinh ở Ninh Thuận là lễ hội cầu ngư

của cư dân ven biển. Lễ cầu ngư là một lễ hội truyền thống của cư dân ven biển trong cả nước nói chung và Ninh Thuận nói riêng. Ở Ninh Thuận, lễ cầu ngư được tổ chức hàng năm ở các làng biển Mỹ Tân, Khánh Hội, Hải Chữ, Sơn Hải, Cà Na nhằm tế thần Nam Hải và cầu làm biển được mùa. Lễ hội này gắn với tín ngưỡng thờ cá Ông của ngư dân, được tổ chức rất trang trọng, gồm nhiều nghi thức như rước Ông dưới biển, cúng tế giao cảm với "Thần" bằng văn tế, vật tế, hương quả, hát múa bá trạo hầu Thần cá Ông thiêng liêng. Ngoài ra, ở Ninh Thuận còn có các lễ hội tưởng nhớ các vị "tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ"; các vị tổ cư ngành nghề, bậc thánh nhân... Những lễ hội này được tổ chức ở đình làng hay mỗi thôn, xóm.

Người Kinh di cư đến vùng đất Ninh Thuận mang theo kho tàng văn học dân gian phong phú từ truyện cổ, ca dao, dân ca, tục ngữ, thành ngữ của kho tàng văn học dân gian Việt Nam nói chung và miền Trung nói riêng. Người Kinh ở Ninh Thuận còn lưu truyền nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống như hát bội, hát múa bá trạo. Hát bá trạo là loại hình diễn xướng dân gian diễn ra trong lễ cầu ngư của ngư dân vùng biển Ninh Thuận. Đây không chỉ là hình thức biểu diễn mang tính chất giải trí mà có ý nghĩa hầu thần (Đức Ngư Nam Hải). Nội dung của hát bá trạo thường là miêu tả cuộc hành trình đi biển của ngư dân và ca ngợi công lao của Đức Ngư Nam Hải đã giúp đỡ phù trợ cho họ được bình an, đánh bắt nhiều tôm cá. Các vùng ngư dân ven biển ở Ninh Thuận vẫn duy trì được các hoạt động trò chơi dân gian, các hình thức đua ghe, đua thuyền thúng trong các dịp lễ hội. Người Kinh ở Ninh

Thuận còn phát triển phong trào đờn ca tài tử khá sớm, thường xuyên duy trì hoạt động đờn ca tài tử ở các đoàn, đội, nhóm, câu lạc bộ. Ninh Thuận cùng 21 tỉnh thành phía Nam vinh dự được đón bằng công nhận di sản văn hóa phi vật thể nhân loại về đờn ca tài tử.

Người Kinh Ninh Thuận còn duy trì được các nghề thủ công truyền thống như: nhóm nghề chế biến (làm bánh tráng, làm nước mắm, làm mắm, làm muối, hấp cá, làm bánh hỏi, làm chà lưa), nghề thủ công và mỹ nghệ (nghề làm chiếu, nghề làm võng, nghề đan và lưới, nghề mộc, đan lát, thợ may, chằm nón, làm đũa, làm chổi, làm gạch, dệt chiếu lá, làm dây thừng, đan thúng rỏ, làm lò đất), nghề khai thác và chế tác (thợ hồ, thợ rèn, điêu khắc, di biển).

1.2. Vài nét khái quát về văn hóa Chăm

Người Chăm thuộc nhóm ngôn ngữ Malayo – Polinesien cùng với các dân tộc Raglai, Churu, Gia Rai và Ê đê ở Việt Nam. Người Chăm có chữ viết sớm theo hệ chữ Phạn và đã biến đổi qua nhiều thời kỳ.

Người Chăm hiện nay có dân số xếp thứ 14 trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Theo kết quả điều tra dân số và nhà ở ngày 01/04/1999, người Chăm ở Việt Nam có số dân 132. 873 người. Trong đó, ở Ninh Thuận có 57.137 người, Bình Thuận có 29.356, Bình Định có 4.393 người, Phú Yên có 16.294, An Giang có 12.435 người. Thành phố Hồ Chí Minh có 5.192 người, Tây Ninh có 2.663 người. Ngoài ra, người Chăm còn cư trú rải rác ở các tỉnh Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ². Ngoài người Chăm H'roi ở Bình Định và Phú Yên, một số tài liệu nghiên cứu trước đây gọi vùng người

Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận là “Đông Chăm”, gọi người Chăm ở An Giang là “Tây Chăm”.

Như vậy, người Chăm ở Ninh Thuận có dân số chiếm xấp xỉ 50% trên tổng số người Chăm ở Việt Nam. Cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận đang là chủ nhân lưu giữ những kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể truyền thống lâu đời, phong phú, đa dạng nhất trong cộng đồng người Chăm ở Việt Nam. Sự phong phú, đa sắc màu văn hóa truyền thống ấy có nguồn gốc ảnh hưởng từ văn hóa tôn giáo mà người Chăm duy trì từ lâu đời. Người Chăm ở Ninh Thuận theo hai tôn giáo chính là Bà la môn giáo và Hồi giáo Bà ni. Hiện nay có 42.500 người theo Bà la môn giáo (người Chăm thuộc Ahier), 29.800 người theo Hồi giáo Bà ni (người Chăm thuộc Awal). Cộng đồng người Chăm theo Hồi giáo Islam có 2.800 người, theo Tin Lành có khoảng 400 người, theo Công giáo khoảng 500 người. Khác với đa số các dân tộc thiểu số khác, người Chăm Ninh Thuận cư trú ở đồng bằng, sống bằng nghề nông, trồng lúa nước, hoa màu, cây ăn trái, chăn nuôi bò, dê, cừu. Dệt thổ cẩm và làm gốm thủ công là hai làng nghề lâu đời, nổi tiếng của người Chăm ở Ninh Thuận.

Văn hóa vật thể của người Chăm thể hiện ở kho tàng di sản đền tháp. Ba quần thể tháp Chăm Po Klongirai, Po Rame, Hòa Lai đều đã được công nhận di tích lịch sử văn hóa quốc gia, hiện đang làm hồ sơ di sản văn hóa quốc gia đặc biệt trước khi lập hồ sơ công nhận di sản văn hóa thế giới.

Văn hóa phi vật thể của người Chăm ở Ninh Thuận chồng xếp trên mình nhiều lớp

văn hóa: lớp bản địa nằm trong cơ tầng văn hóa Đông Nam Á, tiếp biến các lớp văn hóa tôn giáo khác nhau có nguồn gốc Ấn Độ cổ đại, giao lưu tiếp biến văn hóa Trung Hoa, văn hóa người Kinh, Kh' me và các dân tộc thiểu số ở miền Trung – Tây Nguyên. Nhờ đó, văn hóa, văn nghệ dân gian của người Chăm Ninh Thuận rất đặc sắc, phong phú, đa dạng, thể hiện trong nghệ thuật văn chương, âm nhạc. múa. Nghệ thuật kiến trúc đền tháp, phù điêu Chăm pa là một trong ba nền kiến trúc điêu khắc phát triển rực rỡ ở Đông Nam Á là Kh' me, Java và Chăm pa.

Người Chăm có kho tàng lễ hội nông nghiệp, lễ hội tôn giáo, nghi lễ vòng đời đồ sộ với trên 100 lễ nghi, lễ hội quanh năm. Lễ hội Kate của người Chăm Bà la môn đang lập hồ sơ công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Lễ hội Ramuval của người Chăm Bani, hệ thống lễ hội Rija như Rija Nugar, lễ hội Rija Pruang, Rija Haray, Rija Yawd và hàng trăm nghi lễ khác đang là môi trường tốt để bảo tồn văn hóa truyền thống Chăm.

1.3. Vài nét khái quát về văn hóa Raglai

Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở của Cục Thống kê Ninh Thuận năm 2009, người Raglai ở Việt Nam hiện có 122.245 người, cư trú ở các tỉnh Nam Trung Bộ (Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Thuận và Lâm Đồng), trong đó, Ninh Thuận có số dân Raglai là 58.911 người. Người Raglai mang đầy đủ trên mình những yếu tố văn hóa truyền thống của các dân tộc trong nhóm ngữ hệ Malayo – Polinesien ở Việt Nam. Địa bàn rừng núi, nơi người Raglai sinh sống chính là vùng

kháng chiến (khu VI) của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ ở địa bàn cực nam Trung Bộ.

Từ cuối thế kỷ XIX, các nhà nghiên cứu V.Cobbey, J.L.Shrock, L.Lec... đã chia tộc người Raglai làm hai nhóm Raglai Bắc và Raglai Nam. Nhóm Raglai Bắc cư trú tập trung chủ yếu ở khu vực phía tây tỉnh Khánh Hòa và trải dài xuống vùng núi phía bắc tỉnh Ninh Thuận và đông bắc tỉnh Lâm Đồng. Còn nhóm Raglai Nam phân bố dọc theo phía đông bắc và tây bắc tỉnh Ninh Thuận và kéo dài xuống phía tây và tây nam tỉnh Bình Thuận (giáp ranh phía đông tỉnh Lâm Đồng). Với địa bàn cư trú như vậy, tộc người Raglai trở thành tộc người cư trú ở vùng đệm tiếp giáp với tộc người Êđê ở phía Bắc; tộc người Churu ở phía Tây; tộc người K'ho ở phía Tây Nam; và tộc người Chăm ở phía Đông. Do đó, nền văn hóa của tộc người Raglai chịu sự tác động bởi quá trình đan xen văn hóa với các tộc người Êđê, Churu, K'ho, Chăm và người Kinh. Mặc dù vậy, tộc người Raglai vẫn lưu giữ được những sắc thái văn hóa truyền thống riêng có của tộc người mình.

Văn hóa Raglai gần gũi với văn hóa các dân tộc nằm trong nhóm ngôn ngữ Malayo – Polinesien và gần với các dân tộc Tây Nguyên. Do không tiếp nhận tôn giáo nào nên tín ngưỡng của người Raglai mang đậm nét bản địa với tín ngưỡng đa thần. Kho tàng văn hóa quý giá nhất của người Raglai là các pho sử thi đồ sộ³, có ngôn ngữ riêng và hệ thống lễ hội nông nghiệp⁴, nghi lễ vòng đời phong phú⁵, chứa đựng quan niệm về vũ trụ, nhân sinh của một dân tộc có một bề dày lịch sử văn hóa bản địa.

2. Những vấn đề liên quan đến bảo tồn văn hóa dân tộc khi Ninh Thuận triển khai xây dựng nhà máy điện hạt nhân

Địa điểm xây dựng hai nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận đều ở ven biển, xa khu dân cư. Những khu dân cư gần địa điểm xây dựng nhà máy đều đã có các dự án di dân tái định cư ra khỏi phạm vi, đảm bảo theo tiêu chuẩn không gian về an toàn bức xạ hạt nhân. Tuy nhiên, với các sự cố về các nhà máy điện như Chernobul ở Ucraina năm 1986, Fukushima ở Nhật Bản năm 2012, tâm lý người dân ít nhiều cũng hoang mang, lo sợ về mức độ an toàn của nhà máy.

Hai nhà máy dự kiến xây dựng đều nằm ở ven biển, chủ yếu là vùng cư trú của các thôn người Kinh. Nhà máy điện hạt nhân số 1 nằm ở thôn Vĩnh Trường, huyện Thuận Nam, không quá xa với các làng Chăm Tuấn Tú, Văn Lâm, Chung Mỹ, Mỹ Nghiệp và thị trấn Phước Dân. Nhà máy điện hạt nhân số 2 nằm ở thôn Thái An, huyện Vĩnh Hải, chủ yếu là vùng người Kinh cư trú, khu vực này cũng không quá gần với thôn của đồng bào Raglai là Cầu Gãy, Đá Hang. Đối với đồng bào dân tộc ở miền núi, đây là khu vực ở xa dự án nên không chịu nhiều sự ảnh hưởng.

Tuy nhiên, khoảng cách về không gian chưa nói lên điều gì nhiều đối với vấn đề bảo tồn văn hóa dân tộc. Vấn đề cốt lõi là công tác truyền thông, vận động tư tưởng của bà con các dân tộc quanh vùng dự án an tâm trước, trong và sau khi triển khai dự án. Trong suốt quá trình đó, các dự án cần có sự đồng hành cùng cộng đồng dân cư

như thế nào trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

2.1. Công tác truyền thông trong cộng đồng các dân tộc Ninh Thuận về dự án nhà máy điện hạt nhân

Từ đầu những năm 2000, các cơ quan chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ cùng các công ty năng lượng hạt nhân của Nhật Bản đã triển khai triển lãm giới thiệu các mô hình nhà máy điện hạt nhân tại Trung tâm Văn hóa tỉnh. Từ khi thành lập Ban Quản lý dự án xây dựng nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận, Ban Quản lý đã tổ chức một số buổi hội thảo, tổ chức công tác truyền thông, nhưng nhìn chung còn rất hạn chế cả về nội dung, hình thức, đối tượng và phương thức tuyên truyền. Điện hạt nhân là một loại hình khoa học kỹ thuật hiện đại, đòi hỏi có trình độ, có phong văn hóa nhất định, không dễ gì tuyên truyền, đòi hỏi cần phân loại theo từng đối tượng tuyên truyền. Nếu tuyên truyền đi sâu vào kỹ thuật sẽ tạo ra sự khó hiểu cho người dân địa phương, còn nếu tuyên truyền chung chung về sự an toàn, lại khó thuyết phục được một số nhân sĩ, trí thức. Vì vậy, đòi hỏi một chiến lược, sách lược và nghệ thuật truyền thông một cách khoa học và nghệ thuật. Tận dụng tốt ba phương thức tuyên truyền là tuyên truyền miệng, cổ động trực quan và văn hóa văn nghệ. Cần phân ra nhiều cấp độ, tùy theo từng đối tượng để có những phương thức tuyên truyền riêng.

Đối với các khu dân cư, ngoài vai trò của các cấp quản lý trong hệ thống chính trị từ cấp thôn, xã, huyện, tỉnh, cần có các buổi thuyết trình, giao lưu, hội thảo, tọa đàm với các thành phần nhân sĩ, trí thức,

chức sắc các tôn giáo và những người có uy tín trong đồng bào dân tộc. Trong phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, Mặt trận tổ quốc và ngành văn hóa đã tận dụng rất hiệu quả vai trò của nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo, nghệ nhân dân gian, người có uy tín trong cộng đồng trong việc vận động người dân đồng tình và đồng hành tham gia vào quá trình xã hội hóa công tác xây dựng văn hóa cơ sở, góp phần bảo tồn và phát huy được bản sắc văn hóa dân tộc.

Ngoài việc phát huy hệ thống thông tin đại chúng như báo, đài phát thanh, truyền hình, mạng internet, cần phát huy năng lực của các đội thông tin tuyên truyền, đội chiếu bóng từ tỉnh đến cơ sở, các đoàn nghệ thuật ca múa nhạc chuyên nghiệp, đoàn nghệ thuật dân gian Chăm.

Một trong những phương thức tuyên truyền có hiệu quả là tổ chức tốt đời sống tinh thần cho người dân, gần dân, am hiểu phong tục tập quán của cộng đồng dân cư, cùng ăn, cùng ở, cùng đồng cảm với những khó khăn, vất vả của người dân. Thường xuyên tổ chức giao lưu thi đấu thể dục, thể thao, giao lưu văn hóa văn nghệ, tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và quan trọng nhất là hỗ trợ tinh thần cũng như vật chất cho việc bảo tồn bản sắc văn hóa của cộng đồng dân cư các dân tộc.

2.2. Công tác bảo tồn văn hóa truyền thống các dân tộc trong bối cảnh xây dựng nhà máy điện hạt nhân

Nghị quyết 33 của Hội nghị Trung ương lần thứ 9, khóa XI về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam trong quá trình xây dựng phát triển bền vững đất nước đã nêu rất rõ 5 quan điểm về văn hóa. Trong giai

đoạn phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay với xu thế hội nhập, văn hóa nói chung, văn hóa truyền thống dân tộc đôi lúc, đôi nơi còn bị xem nhẹ. Nhiều dự án, công trình lớn ảnh hưởng nghiêm trọng đến văn hóa truyền thống dân tộc. Nhiều vùng, văn hóa làng bị phá vỡ, nhiều phong tục tập quán khí tổ chức di dân tái định cư bị mai một.

Vi vậy, trong tất cả ban chỉ đạo các đề án, dự án xây dựng mới liên quan đến các cộng đồng dân và các khu di tích lịch sử văn hóa đều phải có sự tham gia của cơ quan tham mưu về quản lý văn hóa ở các cấp địa phương để đảm bảo cho việc bảo tồn phong tục tập quán, văn hóa truyền thống, lễ hội và bảo vệ các khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích lịch sử văn hóa.

Trong những năm qua, ngành văn hóa, thể thao, du lịch tỉnh Ninh Thuận đã rất nỗ lực trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Các di tích lịch sử văn hóa được trùng tu, tôn tạo. Các thiết chế văn hóa dân tộc được đầu tư xây dựng như bảo tàng, trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm, đoàn nghệ thuật dân gian Chăm, đầu tư bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, nhất là làng nghề gốm Bầu Trúc và làng dệt thổ cẩm Mỹ Nghiệp. Văn hóa truyền thống dân tộc đã góp phần không nhỏ trong việc xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa. Khách du lịch trong và ngoài nước đều coi văn hóa các dân tộc Ninh Thuận là một sản phẩm hấp dẫn mà khi về đến Ninh Thuận không thể bỏ qua.

Dự án điện hạt nhân ít nhiều có sự ảnh hưởng đến văn hóa các dân tộc tỉnh Ninh Thuận, nhất là đối với cộng đồng dân cư xung quanh dự án. Vì vậy, khi triển khai

các dự án, Ban Quản lý dự án cần quan tâm kết hợp với các cơ quan quản lý văn hóa đầu tư bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc như hỗ trợ nhân dân khu vực di dân tái định cư khôi phục lễ hội truyền thống, duy trì phong tục tập quán, bổ sung quy ước, hương ước văn hóa làng, xây dựng các thiết chế văn hóa theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới như sân chơi thể thao, trung tâm văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng. Phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng, các đội thông tin tuyên truyền, đội chiếu bóng từ tỉnh đến cơ sở xây dựng đề án truyền thống, sáng tác và phổ biến các tác phẩm văn học nghệ thuật tuyên truyền về nhà máy điện hạt nhân. Phối hợp tổ chức thực hiện tốt các hội thảo khoa học và tọa đàm tuyên truyền, kết hợp tốt các phương thức tuyên truyền như xuất bản các tập gấp, tờ rơi, cổ động trực quan, tuyên truyền miệng và tuyên truyền thông qua các hình thức văn học nghệ thuật. Hỗ trợ và tham gia tổ chức các ngày hội văn hóa dân tộc như ngày hội văn hóa dân tộc Chăm, ngày hội Văn hóa dân tộc Raglai, tổ chức các lễ hội cầu ngư, hát múa bà trạo

Chú thích:

² Nhà xuất bản Thống kê, Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 1999.

³ Từ năm 2005 đến năm 2008, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện KHXHVN đã cùng với Sở VH TT Ninh Thuận sưu tầm được 15 sử thi trong vùng đồng bào Raglai Ninh Thuận và Khánh Hòa. Hội đồng đã thẩm định được 7 pho sử thi, trong đó đã biên dịch, xuất bản 1 sử thi.

⁴ Trong các lễ hội nông nghiệp của người Raglai, đáng chú ý là hệ thống lễ hội Ăn đầu lúa và Mừng lúa mới. Đây là lễ hội chuyển mùa, trùng thời điểm với các lễ hội chuyển mùa các dân tộc Đông Nam Á như lễ Rija Nugar của người Chăm, lễ hội Bunpimay của Lào, lễ Chon chơ nam th máy của người Kh'me, lễ Sóng kran của Thái Lan.

⁵ Trong hệ thống nghi lễ vòng đời của người Raglai, đáng chú ý là lễ bỏ mả, có nhiều nét tương đồng và dị biệt với lễ bỏ mả các dân tộc Tây Nguyên.

⁶ Ban Quản lý dự án điện hạt nhân Ninh Thuận chưa quan tâm đến các ngày hội Văn hóa Chăm toàn quốc năm 2012, Ngày hội Văn hóa Raglai toàn quốc năm 2013 tổ chức tại Ninh Thuận,

cho các cộng đồng cư dân ven biển⁶, các lễ hội đua ghe, đua thuyền thúng, lễ hội hè củ của cư dân Sơn Hải v.v...

Ngược lại, khi triển khai xây dựng nhà máy điện hạt nhân, hàng trăm, hàng nghìn chuyên gia nước ngoài và trong nước sẽ về với Ninh Thuận. Văn hóa dân tộc sẽ là những sản phẩm du lịch đặc trưng để thường xuyên phục vụ đời sống tinh thần cho lực lượng chuyên gia và người lao động trong dự án.

Kết luận

Ninh Thuận là một tỉnh nhỏ, còn nhiều khó khăn về phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Dự án xây dựng nhà máy điện hạt nhân đầu tiên của Việt Nam tại Ninh Thuận vừa là cơ hội tốt để phát triển, ngược lại cũng đặt ra nhiều thách thức trong việc bảo tồn, phát huy văn hóa các dân tộc. Với các quan điểm về xây dựng và phát triển văn hóa của Đảng, việc triển khai thực hiện dự án cần có sự quan tâm ngay từ đầu tới công tác bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc của cộng đồng dân cư khu vực dự án.